

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

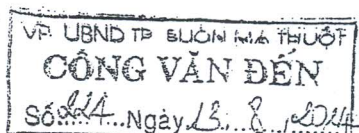
Số: 1835/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi: Tiểu dự án Buôn Ma Thuột - Dự án phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk.



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 04/2007/TT-BKHĐT ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi: Tiểu dự án Buôn Ma Thuột - Dự án phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 741/TTg-QHQT ngày 24/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án Phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk vay vốn ADB;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 223/TTr-SKHĐT ngày 22/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi: Tiểu dự án Buôn Ma Thuột - Dự án phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk, với các nội dung sau:

1. Khoản 9 Điều 1 được điều chỉnh:

“9. Tổng mức đầu tư:

TT	Hạng mục chi phí	Thành tiền	
		VND	USD
A	Chi phí đầu tư	765.148.800.000	36.786.000
1	Hợp phần BMT1: Quản lý môi trường – Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp.	183.352.000.000	8.815.000
2	Hợp phần BMT2: Xây dựng đường chiến lược - Đường Trần Quý Cáp	178.796.800.000	8.596.000
3	Hợp phần BMT3: Xây dựng đường chiến lược - Đường Mai Thị Lựu	76.564.800.000	3.681.000
4	Đền bù, giải phóng mặt bằng	153.982.190.300	7.403.000
5	Hợp phần BMT4: Quản lý dự án và nâng cao năng lực: (Hỗ trợ kỹ thuật cho Hội phụ nữ; Hỗ trợ kỹ thuật thực hiện dự án; Chi phí đào tạo/tập huấn; Phương tiện/xe cộ; Giám sát môi trường; Giám sát xã hội; Kiểm toán tài chính)	26.656.600.000	1.282.000
6	Thuế và các khoản phí: (Bao gồm thuế, chi phí rà phá bom mìn, vật nổ và các dịch vụ tư vấn trong nước để thực hiện thiết kế chi tiết – một trong hoạt động thực hiện trước)	45.510.609.700	2.188.000
7	Dự phòng chi phí đầu tư xây dựng phát sinh	100.276.800.000	4.821.000
B	Dự phòng phí	80.454.400.000	3.868.000
1	Dự phòng cơ học	57.428.800.000	2.761.000
2	Dự phòng giá	23.025.600.000	1.107.000
C	Phí tài chính trong quá trình thực hiện dự án	16.577.600.000	797.000
1	Lãi suất trong quá trình xây dựng	16.577.600.000	797.000
2	Phí cam kết		0
D	Tổng mức đầu tư (cộng (A+B+C))	862.180.800.000	41.451.000

(Tỷ giá 01USD = 20.800 VND)”

2. Khoản 10 Điều 1 được điều chỉnh:

“10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay ODA và vốn đối ứng, chi tiết như sau:

Khoản mục	ADB		Vốn đối ứng		Tổng cộng	Tỷ lệ
	Vốn vay	%	Vốn đối ứng	%		
A. Chi phí đầu tư	27.195	65,6%	9.591	23,1%	36.786	88,7%
Hợp phần BMT1: Quản lý môi trường – Quản lý chất thải rắn và xây dựng bãi chôn lấp.	8.815	21,3%			8.815	21,3%
Hợp phần BMT2: Xây dựng đường chiến lược - Đường Trần Quý Cáp	8.596	20,7%			8.596	20,7%
Hợp phần BMT3: Xây dựng đường chiến lược - Đường Mai Thị Lựu	3.681	8,9%			3.681	8,9%
Đền bù, giải phóng mặt bằng			7.403	17,9%	7.403	17,9%
Hợp phần BMT4: Quản lý dự án và nâng cao năng lực: (Hỗ trợ kỹ thuật cho Hội phụ nữ; Hỗ trợ kỹ thuật thực hiện dự án; Chi phí đào tạo/tập huấn; Phương tiện/xe cộ; Giám sát môi trường; Giám sát xã hội; Kiểm toán tài chính)	1.282	3,1%			1.282	3,1%
Thuế và các khoản phí: (Bao gồm thuế, chi phí rà phá bom mìn, vật nổ và các dịch vụ tư vấn trong nước để thực hiện thiết kế chi tiết – một trong hoạt động thực hiện trước)			2.188	5,3%	2.188	5,3%
Dự phòng chi phí đầu tư xây dựng phát sinh	4.821	11,6%			4.821	11,6%
B. Dự phòng phí	3.668	8,8%	200	0,5%	3.868	9,3%
1. Dự phòng cơ học	2.561	6,2%	200	0,5%	2.761	6,7%

2. Dự phòng giá	1.107	2,7%			1.107	2,7%
C. Phí tài chính trong quá trình thực hiện dự án	797	1,9%			797	1,9%
1. Lãi suất trong quá trình xây dựng	797	1,9%			797	1,9%
2. Phí cam kết						
Cộng (A+B+C)	31.660	76,4%	9.791	23,6%	41.451	100,0%

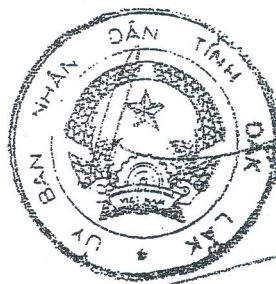
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Buon Ma Thuột; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Tên*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Như điều 2;
 - Các PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN (VT-25).
- (T8.Điều chỉnh QĐ 1085) *Ưng*

CHỦ TỊCH



Hoàng Trọng Hải

UBND THÀNH PHỐ BUON MA THUẬT
SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 14 tháng 8 năm 2014



NGUYỄN ĐỨC TRUNG